

Số: 04/QC-ĐGTS

Bình Phước, ngày 20 tháng 05 năm 2025

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá số 04/HĐ-DVĐGTS ngày 20/05/2025 giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế cuộc đấu giá áp dụng cho cuộc đấu giá tài sản của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước tổ chức ngày 04/06/2025 như sau:

Điều 1. Thông tin về tài sản và nơi có tài sản đấu giá.

1. Tài sản đấu giá:

a. Tên tài sản: Tài sản là Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được chia thành 02 gói. Cụ thể như sau:

- Gói tài sản số 01: Lâm sản gỗ có 27 hộp, phách gỗ xẻ có khối lượng 10,544 m³ (trong đó: 02 hộp, phách gỗ Cắm xe – nhóm II thông thường, khối lượng: 0,912 m³; 04 hộp, phách gỗ Sao – nhóm II thông thường, khối lượng 2,535 m³; 21 hộp, phách gỗ Bằng Lăng – nhóm III thông thường, khối lượng 7,097 m³).

- Gói tài sản số 2: Lâm sản gỗ có 43 hộp, phách gỗ xẻ có khối lượng 11,037 m³ (trong đó: 07 hộp, phách gỗ Cắm xe – nhóm II thông thường, khối lượng 2,224 m³; 36 hộp, phách gỗ bằng Lăng – nhóm III thông thường, khối lượng 8,813 m³).

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

b. Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

- Quyết định số 419/QĐ-SNN-KL ngày 05/11/2024 của Sở Nông nghiệp & PTNT V/v phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

2. Nơi có tài sản: Tại kho bãi tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của Hạt kiểm lâm huyện Bù Đốp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

Điều 2: Tổng giá khởi điểm: 119.670.850 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười chín triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, tám trăm năm mươi đồng). Trong đó:

- Gói tài sản số 01: 61.162.075 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

- Gói tài sản số 02: 58.508.775 đồng (Bằng chữ: năm mươi tám triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

Người trúng đấu giá có trách nhiệm chịu mọi chi phí liên quan đến việc bốc dỡ, vận chuyển tài sản mua được.

Điều 3. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá.

1. Thời gian xem tài sản: Từ ngày **26/05/2025** đến ngày **29/05/2025** (Trong giờ hành chính)

2. Địa điểm xem tài sản: Tại kho bãi tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của Hạt kiểm lâm huyện Bù Đốp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước. Khách hàng liên hệ sdt: 0818.676.869 gặp Đ/c Chinh để được hướng dẫn xem tài sản.

Điều 4. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá.

1. Ngày, giờ bắt đầu bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày **21/05/2025**

2. Ngày, giờ kết thúc bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: 17 giờ 00 phút ngày **30/05/2025**

3. Địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước - 238 đường Trần Hưng Đạo, P Tân Phú, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Điều 5. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

1. Thời gian đăng ký: Từ 07 giờ 30 phút ngày **21/05/2025** đến 17 giờ 00 phút ngày **30/05/2025**

2. Địa điểm đăng ký: tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.

3. Điều kiện đăng ký: Mọi tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được tham gia đấu giá theo Khoản 4, Điều 38 Luật đấu giá tài sản năm 2016 đều có quyền tham gia đăng ký đấu giá.

- Một người tham gia đấu giá không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản.

- Một người không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó.

- Đối với tổ chức thì không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp công ty mẹ, công ty con, các doanh nghiệp mà cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó.

4. Cách thức đăng ký:

a) Người đăng ký tham gia đấu giá phải trực tiếp đi đăng ký tại địa điểm đăng ký. Nếu người khác đi đăng ký thay phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước phát hành.

- Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau: Hộ chiếu/CCCD/Thẻ Căn cước.

- Bản sao có chứng thực Giấy phép kinh doanh và Hộ chiếu/CCCD/Thẻ Căn cước của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền nếu người đăng ký tham gia đấu giá là tổ chức.

- Văn bản cam kết xem tài sản.

- **Lưu ý:** Người đăng ký tham gia đấu giá đăng ký theo từng gói tài sản riêng lẻ/từng hồ sơ.

Điều 6. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

1. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá:

- Gói tài sản số 01: 50.000 đồng/hồ sơ.

- Gói tài sản số 02: 50.000 đồng/hồ sơ.

2. Tiền đặt trước: 20% trên giá khởi điểm của tài sản.

3. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

a) Ngày, giờ bắt đầu nộp tiền đặt trước: 07 giờ 30 phút ngày **21/05/2025**

b) Ngày, giờ hết hạn nộp tiền đặt trước: 17 giờ 00 phút ngày **30/05/2025**

- Thông tin tài khoản nộp tiền đặt trước:

+ **Tên tài khoản:** Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.

+ **Tại Ngân hàng:** TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Bình Phước, PGD Bù Đăng.

+ **Số tài khoản:** 2021779779

- Nếu đến 17h00 ngày **30/05/2025** mà tài khoản của Trung tâm chưa nhận được số tiền đặt trước của người đăng ký tham gia đấu giá thì hồ sơ đã đăng ký sẽ không đủ điều kiện tham gia đấu giá. Đối với những hồ sơ không đủ điều kiện tham gia đấu giá thì Hồ sơ đăng ký và tiền hồ sơ tham gia đấu giá đã nộp không được hoàn trả.

- Một giấy nộp tiền chỉ được đăng ký cho một tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá (Nội dung ghi rõ: "**Thông tin đầy đủ tên của Tổ chức hoặc họ và tên của cá nhân** nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá tài sản là gói số.....tài sản của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước)

- Khoản tiền đặt trước sẽ được Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản trả lại cho người tham gia đấu giá không trúng đấu giá, người tham gia đấu giá từ chối tham gia đấu giá quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật đấu giá 2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Đấu giá tài sản 2024, người tham gia đấu giá đã nộp tiền đặt trước nhưng không đáp ứng yêu cầu, điều kiện tham gia đấu giá theo

thông báo của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản trong vòng 03 ngày làm việc (*Trong giờ hành chính*) kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước. Địa chỉ liên hệ: số 238 Đường Trần Hưng Đạo, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Người tham gia đấu giá có quyền từ chối tham gia đấu giá và nhận lại tiền đặt trước trong trường hợp có thay đổi về giá khởi điểm, số lượng, chất lượng tài sản, thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá, hình thức đấu giá, phương thức đấu giá đã niêm yết, thông báo công khai.

- Khoản tiền lãi thu được từ tiền đặt trước của người tham gia đấu giá (Nếu có) sẽ được trừ vào khoản chi phí chuyển và trả tiền đặt trước.

- Khách hàng nhận tiền đặt trước theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp khách hàng nhận lại khoản tiền đặt trước bằng hình thức chuyển khoản thì khách hàng chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, thông tin tài khoản mà khách hàng đã cung cấp. Trường hợp khách hàng cung cấp không đúng thông tin tài khoản để nhận lại tiền đặt trước thì Trung tâm không chịu trách nhiệm và khách hàng tự liên hệ với Trung tâm về việc nhận lại tiền đặt trước theo đúng quy định.

- Tiền đặt trước của khách hàng trúng đấu giá được trừ vào nghĩa vụ phải thanh toán của khách hàng trúng đấu giá.

Điều 7. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá,

1. Thời gian: 14 giờ 30 phút ngày **04/04/2025 (Thứ tư)**
2. Địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước - Địa chỉ: 238 đường Trần Hưng Đạo, P Tân Phú, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Điều 8. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, Bước giá, cách trả giá, giá trả hợp lệ, quy trình đấu giá

1. Phương thức đấu giá: Trả giá lên
2. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá
3. Số lần trả giá: nhiều lần trả giá cho đến khi không còn người tiếp tục trả giá
4. Bước giá và việc áp dụng bước giá: Bước giá là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm hoặc giữa những lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề. Mức Bước giá được áp dụng cụ thể là: Tối thiểu 02% (Hai phần trăm) giá khởi điểm của từng lần trả giá.

6. Cách ghi phiếu trả giá: Tại phiên đấu giá, ở mỗi vòng đấu, khách hàng tham gia đấu giá được 01 phút để ghi phiếu trả giá, khách hàng phải ghi đầy đủ thông tin theo mẫu phiếu mà Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước đã phát hành.

- Giá trả bằng số và bằng chữ. Giá trả bằng số và bằng chữ phải khớp với nhau, trường hợp không khớp với nhau thì phiếu trả giá không hợp lệ;

- Trường hợp từ vòng đấu số 2 trở đi, khách hàng không có nhu cầu trả giá thêm thì ghi từ “Rút” vào phần Giá trả của phiếu trả giá.

- Mức trả giá hợp lệ:

+ Giá trả hợp lệ của vòng đấu đầu tiên từ mức trả: Giá khởi điểm của tài sản + bước giá trở lên

+ Giá trả hợp lệ của vòng đấu tiếp theo từ mức trả: Giá cao nhất đã trả ở vòng đấu giá trước liền kề + Bước giá trở lên.

+ Khách hàng không trả giá ở vòng đấu trước hoặc trả giá không hợp lệ sẽ không được tham gia trả giá ở lần tiếp theo.

7. Phiếu trả giá hợp lệ, Phiếu trả giá không hợp lệ:

a) *Phiếu trả giá hợp lệ*

- Mẫu phiếu trả giá do Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản phát hành hành (Phiếu được in theo mẫu, có đóng dấu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước ở góc bên trái của phiếu). Nếu người tham gia đấu giá sử dụng phiếu khác là không hợp lệ.

- Mức giá trả hợp lệ phải đúng theo mức quy định tại khoản 6 điều 8 của Quy chế này;

- Phiếu trả giá phải ghi đầy đủ nội dung quy định trong phiếu trả giá;

- Phiếu trả giá có chữ ký và ghi rõ họ tên của người trả giá;

- Số tiền ghi trong phiếu trả giá phải khớp cả về số và chữ, giá phải trả ghi trong phiếu trả giá ít nhất phải bằng giá tối thiểu phải trả tại vòng đấu đầu giá đó;

- Phiếu trả giá được bỏ vào đúng thùng phiếu và đúng thời gian theo quy định.

b) *Phiếu trả giá không hợp lệ*: Trường hợp giá trả không đáp ứng đủ điều kiện điểm a khoản 7 Điều này thì giá trả được xem như không hợp lệ

8. Quy trình đấu giá: Đấu giá viên điều hành phiên đấu giá theo hình thức Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá theo trình tự sau đây:

a) Giới thiệu bản thân, người giúp việc; công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá;

b) Đọc Quy chế cuộc đấu giá;

c) Giới thiệu từng tài sản đấu giá;

d) Nhắc lại mức giá khởi điểm;

đ) Thông báo bước giá và khoảng thời gian tối đa giữa các lần trả giá;

e) Phát số cho người tham gia đấu giá;

g) Hướng dẫn cách trả giá, chấp nhận giá và trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá;

h) Nhắc lại yêu cầu đối với phiếu trả giá hợp lệ, thời gian để thực hiện việc ghi phiếu;

i) Điều hành việc trả giá, chấp nhận giá theo quy định tại khoản 9 Điều này.

9. Việc trả giá trong trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên được thực hiện như sau:

a) Người tham gia đấu giá được phát một tờ phiếu trả giá, ghi giá muốn trả vào phiếu của mình. Hết thời gian ghi phiếu, người tham gia đấu giá trực tiếp bỏ phiếu vào thùng phiếu; đấu giá viên kiểm đếm và công bố số phiếu phát ra, số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, công bố giá trả của từng phiếu trả giá, giá trả cao nhất với sự giám sát của ít nhất một người tham gia đấu giá;

b) Đấu giá viên công bố giá cao nhất đã trả của vòng đấu giá đó và đề nghị người tham gia đấu giá tiếp tục trả giá cho vòng tiếp theo. Giá khởi điểm của vòng đấu giá tiếp theo là giá cao nhất đã trả ở vòng đấu giá trước liền kề;

c) Phiên đấu giá kết thúc khi không còn ai tham gia trả giá. Đấu giá viên công bố người trả giá cao nhất và công bố người đó là người trúng đấu giá;

d) Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả mức giá cao nhất, đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Nếu trong số những người có giá trả cao nhất có người tiếp tục trả giá thì đấu giá viên phát phiếu trả giá cho người đó; đấu giá viên công bố người đó là người trúng đấu giá nếu người đó có giá trả cao hơn. Nếu tất cả người có giá trả cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

- Trường hợp nếu người trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì cuộc đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó.

- Sau khi đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá đã công bố người trúng đấu giá mà tại cuộc đấu giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người trả giá liền kề chấp nhận mua tài sản đấu giá. Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì cuộc đấu giá không thành.

- Trường hợp có 01 người đăng ký tham gia đấu giá thì thực hiện theo quy định tại Điều 49 Luật đấu giá

Điều 9. Các trường hợp Rút lại giá đã trả, Từ chối kết quả trúng đấu giá.

1. Trường hợp Rút lại giá đã trả

a) Tại phiên đấu giá thực hiện bằng phương thức trả giá lên theo hình thức đấu giá trực tiếp bằng lời nói hoặc đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá hoặc hình thức đấu giá trực tuyến, nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì phiên đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ mức giá của người trả giá liền kề trước đó.

b) Tại buổi công bố giá đã trả của người tham gia đấu giá trong trường hợp đấu giá theo hình thức bỏ phiếu gián tiếp, nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì phiên đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề. Đấu giá viên quyết định hình thức đấu giá trực tiếp bằng lời nói hoặc đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp.

c) Người rút lại giá đã trả bị truất quyền tham gia phiên đấu giá và không được nhận lại tiền đặt trước.

2. Từ chối kết quả trúng đấu giá

a) Trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên, sau khi đấu giá viên điều hành phiên đấu giá đã công bố người trúng đấu giá mà tại phiên đấu giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người trả giá liền kề chấp nhận mua tài sản đấu giá.

b) Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì cuộc đấu giá không thành.

Điều 10. Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá

1. Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham dự phiên đấu giá;

2. Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để đim giá, nâng giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

3. Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại phiên đấu giá;

4. Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

4. Nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản;

6. Tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

7. Tham dự phiên đấu giá trong trường hợp công ty mẹ, công ty con, các doanh nghiệp mà cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

8. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

Điều 11. Các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước

1. Người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp sau 0111ây

- a) Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham dự phiên đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng;
- b) Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật đấu giá tài sản;
- c) Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật đấu giá tài sản;
- d) Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật đấu giá tài sản;

đ) Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật Đấu giá tài sản.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được quy định thêm các trường hợp người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước trong Quy chế cuộc đấu giá.

Điều 12. Người không được đăng ký tham gia đấu giá

1. Những người sau đây không được đăng ký tham gia đấu giá:

- a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;
- b) Người làm việc trong tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành phiên đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;
- c) Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;
- d) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại điểm c khoản này;

đ) Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

Điều 13. Trường hợp đấu giá không thành

Các trường hợp đấu giá không thành bao gồm:

- 1. Đã hết thời hạn đăng ký mà không có người đăng ký tham gia đấu giá;
- 2. Tất cả những người đã đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không tham dự phiên đấu giá;
- 3. Tại phiên đấu giá không có người trả giá hoặc không có người chấp nhận giá;

4. Giá trả cao nhất mà vẫn thấp hơn giá khởi điểm trong trường hợp không công khai giá khởi điểm và phiên đấu giá được thực hiện theo phương thức trả giá lên;

5. Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật đấu giá tài sản;

6. Người đã trả giá rút lại giá đã trả, người đã chấp nhận giá rút lại giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật đấu giá tài sản mà không có người trả giá tiếp;

6. Trường hợp từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật đấu giá tài sản;

8. Đã hết thời hạn đăng ký mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham dự phiên đấu giá hoặc có nhiều người tham dự phiên đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá hợp lệ trong trường hợp đấu giá tài sản quy định tại điểm b khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật đấu giá tài sản năm 2024 bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 49 của Luật đấu giá tài sản năm 2016.

Điều 14. Quy định về ký hợp đồng mua bán tài sản và thanh toán tiền trúng đấu giá.

1. Ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá

Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được ký kết giữa người có tài sản đấu giá với người trúng đấu giá. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cuộc đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật đấu giá tài sản thì người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người trúng đấu giá được coi như chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá kể từ thời điểm đấu giá viên công bố người trúng đấu giá, trừ trường hợp người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật đấu giá tài sản hoặc từ chối kết quả trúng đấu giá quy định tại Điều 51 của Luật đấu giá tài sản. Kể từ thời điểm này, quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thời gian, phương thức thanh toán tiền trúng đấu giá

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng mua bán, người trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền mua tài sản sau khi trừ đi khoản tiền đặt trước. Trường hợp người trúng đấu giá không nộp đủ số tiền trúng đấu giá trong thời hạn trên thì xem như không chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản. Số tiền đặt cọc được xử lý theo Bộ Luật Dân sự năm 2015.

b) Phương thức thanh toán: Người trúng đấu giá chuyển đủ 100% số tiền vào tài khoản của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước sau khi đã trừ đi khoản tiền đặt trước.

Tài khoản số: **2021779779** của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Bình Phước, PGD Bù Đăng.

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp đủ số tiền trúng đấu giá trong thời hạn trên thì xem như vi phạm việc giao kết hợp đồng mua bán tài sản. Số tiền đặt trước đã chuyển thành tiền đặt cọc sẽ được xử lý theo Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Điều 15. Thời gian bàn giao tài sản, xuất hóa đơn cho người trúng đấu giá.

1. Bàn giao tài sản: Việc bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá được thực hiện sau khi khách hàng thanh toán đủ số tiền trúng đấu giá. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước có trách nhiệm bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá do người có tài sản đấu giá thực hiện theo đúng số lượng, chủng loại đã đưa ra đấu giá sau khi người trúng đấu giá ký hợp đồng mua bán tài sản và nộp đủ tiền mua tài sản theo thời gian quy định.

2. Xuất hóa đơn: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước có trách nhiệm xuất hóa đơn khi người trúng đấu giá hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền mua tài sản.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá

1. Quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá

a) Người trúng đấu giá có các quyền sau đây:

- Yêu cầu người có tài sản đấu giá ký kết Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá;
- Yêu cầu người có tài sản đấu giá bàn giao tài sản trúng đấu giá theo quy định tại

Quy chế cuộc đấu giá tài sản;

- Được nhận tài sản đấu giá, có quyền sở hữu đối với tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật;

- Được yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu bên người có tài sản vi phạm Hợp đồng;

- Các quyền khác theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định của pháp luật.

b) Người trúng đấu giá có các nghĩa vụ sau đây:

- Ký biên bản đấu giá, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá;

- Thanh toán đầy đủ tiền mua tài sản đấu giá cho người có tài sản đấu giá theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thủ tục, hồ sơ giao cho khách hàng trúng đấu giá

- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước cung cấp Biên bản đấu giá tài sản (bản chính) cho người trúng đấu giá.

- Người có tài sản có trách nhiệm ký kết và bàn giao cho người trúng đấu giá hợp đồng mua bán tài sản và các giấy tờ khác liên quan.

- Việc làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản do người mua được tài sản tự chịu trách nhiệm thực hiện.

Điều 18. Chịu rủi ro và bất khả kháng

- Người có tài sản chịu rủi ro đối với tài sản đấu giá cho đến khi tài sản được bàn giao cho người mua, người mua chịu rủi ro kể từ khi nhận tài sản đấu giá.

- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước không chịu trách nhiệm về bất cứ rủi ro nào xảy ra đối với tài sản đấu giá.

- Cuộc đấu giá này không thể thực hiện được do các trường hợp bất khả kháng như có yêu cầu ngưng mở cuộc đấu giá/hủy bỏ kết quả đấu giá thành của cơ quan chức năng, bên thuê yêu cầu hoãn đấu giá có lý do chính đáng và được chủ sở hữu tài sản chấp thuận, thì các chủ sở hữu tài sản, bên tổ chức đấu giá và khách hàng tham gia đấu giá phải thực hiện theo, các vấn đề có liên quan được phục hồi về nguyên trạng và các bên không phải bồi thường thiệt hại cho nhau.

Điều 19. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa các bên sẽ được giải quyết theo quy định tại Quy chế này, các vấn đề trong quy chế này không quy định thì tranh chấp giữa các bên sẽ được giải quyết theo Luật Đấu giá tài sản. Trường hợp không giải quyết được thì giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Khách hàng tham gia đấu giá tài sản cần đọc kỹ các quy định trong Quy chế này. Sau khi cuộc đấu giá diễn ra mọi khiếu nại, mọi khiếu nại thắc mắc sẽ không được giải quyết

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến cuộc đấu giá tài sản trên có trách nhiệm thực hiện quy chế này.



GIÁM ĐỐC

Ngô Diên Long

NỘI QUY PHÒNG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Quy chế cuộc đấu giá tài sản ngày 20/05/2025)

I. Phạm vi áp dụng

Nội quy này được áp dụng đối với cuộc đấu giá do Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước tổ chức vào ngày **04/06/2025**.

II. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, tổ chức tham gia đấu giá (gọi chung là người tham gia đấu giá), khách mời tham dự cuộc đấu giá, các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến cuộc đấu giá tài sản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước có trách nhiệm thực hiện nội quy này.

III. Quy định cụ thể

1. Người tham gia đấu giá tài sản, khách mời tham dự cuộc đấu giá, các tổ chức, cá nhân liên quan phải tôn trọng các quy định về quy chế, nội quy đấu giá và sự điều hành của người điều hành cuộc đấu giá tài sản; Phải ăn mặc gọn gàng, thái độ lịch sự, nghiêm túc.

2. Những người không đăng ký mua tài sản đấu giá, người không có nhiệm vụ liên quan, trẻ em, người dưới 18 tuổi không được vào Phòng đấu giá.

3. Người tham gia đấu giá phải có mặt đúng thời gian, địa điểm quy định, phải mang theo thẻ CCCD, CC, Giấy nộp tiền đặt trước, Biên lai thu tiền hồ sơ tham gia đấu giá, nếu là người đi đấu giá thay cho người khác thì phải có giấy ủy quyền có công chức hoặc chứng thực (Bản chính).

4. Sau khi cuộc đấu giá khai mạc, Đấu giá viên đã phổ biến quy chế, nội quy cuộc đấu giá mà những người tham gia đấu giá đến trễ quá 5 phút đều không được vào phòng đấu giá và xem như bỏ cuộc không tham gia đấu giá (trừ trường hợp bất khả kháng).

5. Người tham gia đấu giá phải ngồi đúng vị trí do ban tổ chức đã hướng dẫn, không được tự ý đi lại trong phòng đấu giá và không tự ý ra khỏi phòng đấu giá nếu chưa có sự đồng ý của Đấu giá viên.

6. Không hút thuốc, không sử dụng điện thoại di động hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào trong phòng đấu giá, không được quay phim, chụp hình trong phòng tổ chức cuộc đấu giá. Nếu khách hàng vi phạm sẽ bị tịch thu phương tiện, tang vật vi phạm và bị tước quyền tham gia đấu giá.

7. Không được mang chất cháy nổ, vũ khí, chất kích thích vào khu vực tổ chức phiên đấu giá. Không được sử dụng chất kích thích trước và trong khi tham dự đấu giá.

8. Sau khi cuộc đấu giá được tiến hành thì tất cả người tham gia đấu giá cũng như người tham dự cuộc đấu giá phải tuân theo sự điều hành của Đấu giá viên trực tiếp điều hành cuộc đấu giá.

9. Người tham gia đấu giá tài sản có hành vi phá rối, cản trở cuộc đấu giá tài sản hoặc liên kết, thông đồng dìm giá tài sản đấu giá thì bị tước quyền tham gia đấu giá và không được hoàn trả khoản tiền đặt trước.

Các quy định, trình tự, thủ tục và các vấn đề khác liên quan đến từng cuộc đấu giá được áp dụng theo quy chế đấu giá cụ thể và các văn bản pháp luật quy định.

Số: 03/BB-XĐGT

BIÊN BẢN

**Xác định phẩm chất và định giá tài sản là tang vật vi phạm hành chính
bị tịch thu trong lĩnh vực Lâm nghiệp (Lâm sản gỗ xẻ 10,544 m³)**

Căn cứ Luật xử lý VPHC năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 của Bộ Tài chính
Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi
phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Biên bản tạm giữ số: 07/BB-TG, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm lâm
CD&PCCCR về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy
phép, chứng chỉ hành nghề;

Căn cứ Quyết định tạm giữ số: 07/QĐ-TG, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm
lâm CD&PCCCR về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy
phép, chứng chỉ hành nghề;

Căn cứ Biên bản kiểm tra lâm sản, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm lâm
CD&PCCCR (kèm theo bảng kê lâm sản);

Căn cứ Quyết định số 1402/QĐ-TT ngày 19/9/2024 của Chi cục trưởng Chi
cục Kiểm lâm tỉnh về Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Kèm
biên bản tịch thu số 02/BB-TT ngày 19/9/2024);

Căn cứ Quyết định số 905/QĐ-CCKL ngày 12/5/2025 của Chi cục Kiểm lâm
về việc Thành lập Hội đồng định giá xác định lại phẩm chất và giá trị tài sản là
tang vật vi phạm hành chính bị tịch để làm căn cứ bán đấu giá tài sản.

Hôm nay, hồi 8 giờ 15 phút, ngày 13/5/2025, tại Hạt Kiểm lâm huyện Bù
Đốp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

**Hội đồng xác định lại phẩm chất và định giá tang vật vi phạm hành
chính tịch thu, gồm có:**

- Ông Trần Quốc Hùng, chức vụ: Chi cục trưởng – Chủ tịch Hội đồng.
Cơ quan: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.
- Ông Nguyễn Thanh Bình, chức vụ: P. Trưởng Phòng Quản lý giá và Công
sản – Thành viên.
Cơ quan: Sở Tài chính tỉnh Bình Phước.



TR
ICH
T

3. Ông Nguyễn Văn Sơn, chức vụ: Đội trưởng – Thành viên.

Cơ quan: Đội KLCĐ&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

4. Bà Trần Thị Chinh, chức vụ: Phó Đội trưởng – Thành viên.

Cơ quan: Đội KLCĐ&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

5. Ông Cao Đức Hùng, chức vụ: Kiểm lâm viên

Cơ quan: Đội KLCĐ&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

6. Ông Trần Ngọc Toán, chức vụ: Kiểm lâm viên.

Cơ quan: Phòng HC-PC, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

7. Ông Phạm Văn Hạ, chức vụ: Phó Hạt trưởng

Cơ quan: Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

Tiến hành xác định phẩm chất và định giá tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định số: 1402/QĐ-TT.

1. Hội đồng đã tiến hành kiểm tra thực tế để đánh giá lại phẩm chất của tài sản (lâm sản gỗ xẻ các loại). Qua kiểm tra ghi nhận:

- Gỗ có hiện trạng, đặc điểm là khô, nứt ở phần thân và hai đầu. Nguyên nhân: do yếu tố tự nhiên và môi trường (gỗ từ thời điểm tạm giữ xử lý đến nay đã hơn 01 năm).

- Tỷ lệ phẩm chất còn lại: 65%.

2. Hội đồng đã tiến hành xác định giá trị của lô tài sản gồm: Lâm sản gỗ có 27 hộp, phách gỗ xẻ có khối lượng 10,544 m³ (trong đó: 02 hộp, phách gỗ Cẩm xe - nhóm II thông thường, khối lượng 0,912 m³; 04 hộp, phách gỗ Sao – nhóm II thông thường, khối lượng 2,535 m³; 21 hộp, phách gỗ Bằng lăng – nhóm III thông thường, khối lượng 7,097 m³). Việc định giá tang vật vi phạm dựa trên các căn cứ pháp lý như sau:

- 03 Phiếu khảo sát giá mua, bán trên thị trường tại thời điểm tiến hành định giá lâm sản của 03 cơ sở, doanh nghiệp chuyên chế biến, mua bán các mặt hàng gỗ ở huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, gồm:

+ Phiếu khảo sát của Đồ gỗ mỹ nghệ Lê Thành.

+ Phiếu khảo sát của Công ty TNHH MTV gỗ mỹ nghệ Phát Lộc.

+ Phiếu khảo sát của Công ty TNHH MTV TM Hưng Chính.

- Bảng giá niêm yết tại Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND tỉnh về Ban hành giá bán tối thiểu lâm sản tịch thu, lâm sản khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng và mức chi phí khấu trừ, khai thác, vận chuyển, vận xuất từ khai thác rừng tự nhiên và rừng trồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Quyết định 43/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh).

- Biên bản định giá số 02/BB-XĐGT, ngày 08/8/2023; Biên bản định giá số 01/BB-XĐGT, ngày 11/10/2024, Biên bản định giá số 01/BB-XĐGT, ngày 07/3/2025 của Hội đồng định giá (kèm hồ sơ có liên quan).

3. Giá trị của tài sản được định giá theo bảng kê chi tiết dưới đây:

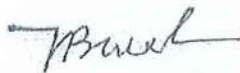
TT	Tên tài sản định giá	Quy cách tài sản			Khối lượng (m ³)	Hiện trạng	Tỷ lệ % chất lượng còn lại	Đơn giá (đồng/m ³)	Thành tiền (đồng)
		Dài (m)	Rộng (cm)	Chiều dày (cm)					
1	Bằng Lãng	3,03	54,0	33,0	0,539	Khô, nứt	65%	8.500.000	2.977.975
2	Cắm xe	3,65	40,0	39,0	0,569	Khô, nứt	65%	9.500.000	3.513.575
3	Bằng Lãng	3,24	36,0	35,0	0,408	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.989.000
4	Bằng Lãng	3,30	39,0	36,0	0,463	Khô, nứt	65%	7.500.000	2.257.125
5	Bằng Lãng	4,05	36,0	24,0	0,349	Khô, nứt	65%	8.000.000	1.814.800
6	Bằng Lãng	4,02	34,0	34,0	0,464	Khô, nứt	65%	8.000.000	2.412.800
7	Bằng Lãng	4,10	46,0	44,0	0,829	Khô, nứt	65%	9.000.000	4.849.650
8	Bằng Lãng	3,60	38,0	35,0	0,478	Khô, nứt	65%	7.500.000	2.330.250
9	Cắm xe	2,59	39,0	34,0	0,343	Khô, nứt	65%	9.500.000	2.118.025
10	Sao	3,00	39,0	36,0	0,421	Khô, nứt	65%	10.500.000	2.873.325
11	Sao	3,20	56,0	52,0	0,931	Khô, nứt	65%	11.500.000	6.959.225
12	Bằng Lãng	4,06	38,0	37,0	0,570	Khô, nứt	65%	8.000.000	2.964.000
13	Sao	2,17	52,0	38,0	0,428	Khô, nứt	65%	11.500.000	3.199.300
14	Sao	4,15	52,0	35,0	0,755	Khô, nứt	65%	12.000.000	5.889.000
15	Bằng Lãng	4,16	37,0	36,0	0,554	Khô, nứt	65%	8.000.000	2.880.800
16	Bằng Lãng	2,51	26,0	26,0	0,169	Khô, nứt	65%	7.500.000	823.875
17	Bằng Lãng	2,53	30,0	25,0	0,189	Khô, nứt	65%	7.500.000	921.375
18	Bằng Lãng	2,62	37,0	36,0	0,348	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.696.500
19	Bằng Lãng	2,51	35,0	20,0	0,175	Khô, nứt	65%	7.500.000	853.125
20	Bằng Lãng	2,23	30,0	30,0	0,200	Khô, nứt	65%	7.500.000	975.000
21	Bằng Lãng	2,25	26,0	26,0	0,152	Khô, nứt	65%	7.500.000	741.000
22	Bằng Lãng	2,22	26,0	25,0	0,144	Khô, nứt	65%	7.500.000	702.000
23	Bằng Lãng	3,10	42,0	37,0	0,481	Khô, nứt	65%	8.500.000	2.657.525
24	Bằng Lãng	2,19	25,0	25,0	0,136	Khô, nứt	65%	7.000.000	618.800
25	Bằng Lãng	2,25	26,0	26,0	0,152	Khô, nứt	65%	7.500.000	741.000
26	Bằng Lãng	2,22	25,0	25,0	0,138	Khô, nứt	65%	7.000.000	627.900
27	Bằng Lãng	2,27	27,0	26,0	0,159	Khô, nứt	65%	7.500.000	775.125
Tổng cộng					10,544				61.162.075

Bảng chữ: Sáu mươi một triệu một trăm sáu mươi hai ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng./.

4. Kết luận: Giá trị tài sản nêu tại **Mục 3** được dùng làm giá khởi điểm để tiếp tục xử lý tài sản theo quy định.

Biên bản lập xong hồi 9 giờ 25 phút cùng ngày, gồm 02 tờ, được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN TÀI CHÍNH**
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

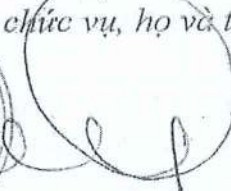


Nguyễn Thanh Bình - P. TP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

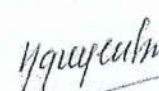
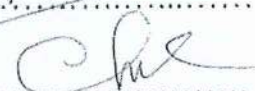
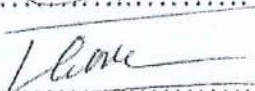
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)





Trần Quốc Hùng- CCT

THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG

- Nguyễn Văn Sơn - Đội trưởng Đội KLCĐ và PCCCR.....
- Trần Thị Chinh - Phó Đội trưởng Đội KLCĐ và PCCCR.....
- Cao Đức Hùng - KLV Đội KLCĐ và PCCCR.....
- Trần Ngọc Toán - KLV Phòng Hành chính-Pháp chế.....
- Phạm Văn Hạ - P. Hạt trưởng Hạt KL huyện Bù Đốp.....

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH
BÌNH PHƯỚC
HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/BB-XĐGT

BIÊN BẢN

**Xác định phẩm chất và định giá tài sản là tang vật vi phạm hành chính
bị tịch thu trong lĩnh vực Lâm nghiệp (Lâm sản gỗ xẻ 11,037 m³)**

Căn cứ Luật xử lý VPHC năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20 /11/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Biên bản tạm giữ số: 08/BB-TG, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm lâm CD&PCCCR về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

Căn cứ Quyết định tạm giữ số: 08/QĐ-TG, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm lâm CD&PCCCR về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

Căn cứ Biên bản kiểm tra lâm sản, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm lâm CD&PCCCR (kèm theo bảng kê lâm sản);

Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-TT ngày 19/9/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh về Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Kèm biên bản tịch thu số 05/BB-TT ngày 19/9/2024);

Căn cứ Quyết định số 905/QĐ-CCKL ngày 12/5/2025 của Chi cục Kiểm lâm về việc Thành lập Hội đồng định giá xác định lại phẩm chất và giá trị tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu để làm căn cứ bán đấu giá tài sản.

Hôm nay, hồi 09 giờ 30 phút, ngày 13/5/2025, tại Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

Hội đồng xác định lại phẩm chất và định giá tang vật vi phạm hành chính tịch thu, gồm có:

1. Ông Trần Quốc Hùng, chức vụ: Chi cục trưởng – Chủ tịch Hội đồng.

Cơ quan: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

2. Ông Nguyễn Thanh Bình, chức vụ: P. Trưởng Phòng Quản lý giá và Công sản – Thành viên.

Cơ quan: Sở Tài chính tỉnh Bình Phước.

3. Ông Nguyễn Văn Sơn, chức vụ: Đội trưởng – Thành viên.



Cơ quan: Đội KLCD&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

4. Bà Trần Thị Chính, chức vụ: Phó Đội trưởng – Thành viên.

Cơ quan: Đội KLCD&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

5. Ông Cao Đức Hùng, chức vụ: Kiểm lâm viên

Cơ quan: Đội KLCD&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

6. Ông Trần Ngọc Toán, chức vụ: Kiểm lâm viên.

Cơ quan: Phòng HC-PC, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

7. Ông Phạm Văn Hạ, chức vụ: Phó Hạt trưởng

Cơ quan: Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

Tiến hành xác định phẩm chất và định giá tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định số: 1405/QĐ-TT.

1. Hội đồng đã tiến hành kiểm tra thực tế để đánh giá lại phẩm chất của tài sản (lâm sản gỗ xẻ các loại). Qua kiểm tra ghi nhận:

- Gỗ có hiện trạng, đặc điểm là khô, nứt ở phần thân và hai đầu. Nguyên nhân: do yếu tố tự nhiên và môi trường (gỗ từ thời điểm tạm giữ xử lý đến nay đã hơn 01 năm).

- Tỷ lệ phẩm chất còn lại: 65%.

2. Hội đồng đã tiến hành xác định giá trị của lô tài sản gồm: Lâm sản gỗ có 43 hộp, phách gỗ xẻ có khối lượng 11,037 m³ (trong đó: 07 hộp, phách gỗ Cẩm xe – nhóm II thông thường, khối lượng 2,224 m³; 36 hộp, phách gỗ Bằng lăng – nhóm III thông thường, khối lượng 8,813 m³). Việc định giá tang vật vi phạm dựa trên các căn cứ pháp lý như sau:

- 03 Phiếu khảo sát giá mua, bán trên thị trường tại thời điểm tiến hành định giá lâm sản của 03 cơ sở, doanh nghiệp chuyên chế biến, mua bán các mặt hàng gỗ ở huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, gồm:

+ Phiếu khảo sát của Đồ gỗ mỹ nghệ Lê Thành.

+ Phiếu khảo sát của Công ty TNHH MTV gỗ mỹ nghệ Phát Lộc.

+ Phiếu khảo sát của Công ty TNHH MTV TM Hưng Chính.

- Bảng giá niêm yết tại Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND tỉnh về Ban hành giá bán tối thiểu lâm sản tịch thu, lâm sản khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng và mức chi phí khấu trừ, khai thác, vận chuyển, vận xuất từ khai thác rừng tự nhiên và rừng trồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Quyết định 43/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh).

- Biên bản định giá số 03/BB-XĐGT, ngày 08/8/2023; Biên bản định giá số 02/BB-XĐGT, ngày 11/10/2024; Biên bản định giá số 02/BB-XĐGT, ngày 07/3/2025 của Hội đồng định giá (kèm hồ sơ có liên quan).

3. Giá trị của tài sản được định giá theo bảng kê chi tiết dưới đây:

TT	Tên tài sản định giá	Quy cách tài sản			Khối lượng (m ³)	Hiện trạng	Tỷ lệ % chất lượng còn lại	Đơn giá (đồng/m ³)	Thành tiền (đồng)
		Dài (m)	Rộng (cm)	Chiều dày (cm)					
1	Băng Lãng	2,20	25,0	25,0	0,137	Khô, nứt	65%	7.000.000	623.350
2	Băng Lãng	2,22	25,0	25,0	0,138	Khô, nứt	65%	7.000.000	627.900
3	Băng Lãng	2,20	42,0	42,0	0,388	Khô, nứt	65%	8.500.000	2.143.700
4	Băng Lãng	2,25	25,0	25,0	0,140	Khô, nứt	65%	7.000.000	637.000
5	Băng Lãng	2,26	25,0	25,0	0,141	Khô, nứt	65%	7.000.000	641.550
6	Băng Lãng	2,22	25,0	25,0	0,138	Khô, nứt	65%	7.000.000	627.900
7	Băng Lãng	2,22	25,0	25,0	0,138	Khô, nứt	65%	7.000.000	627.900
8	Băng Lãng	2,51	25,0	25,0	0,156	Khô, nứt	65%	7.000.000	709.800
9	Băng Lãng	2,27	28,0	27,0	0,171	Khô, nứt	65%	7.500.000	833.625
10	Băng Lãng	2,54	27,0	26,0	0,178	Khô, nứt	65%	7.500.000	867.750
11	Băng Lãng	2,51	25,0	25,0	0,156	Khô, nứt	65%	7.000.000	709.800
12	Băng Lãng	2,23	25,0	25,0	0,139	Khô, nứt	65%	7.000.000	632.450
13	Băng Lãng	2,58	27,0	27,0	0,188	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.012.500
14	Băng Lãng	2,38	33,0	31,0	0,243	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.814.625
15	Băng Lãng	2,54	31,0	30,0	0,236	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.770.500
16	Băng Lãng	2,51	32,0	32,0	0,257	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.252.875
17	Cắm xe	2,53	26,0	25,0	0,164	Khô, nứt	65%	9.500.000	1.012.700
18	Cắm xe	2,54	26,0	26,0	0,171	Khô, nứt	65%	9.500.000	1.055.925
19	Cắm xe	2,60	26,0	26,0	0,175	Khô, nứt	65%	9.500.000	1.080.625
20	Cắm xe	2,54	25,0	25,0	0,158	Khô, nứt	65%	9.000.000	924.300
21	Băng Lãng	2,55	38,0	35,0	0,339	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.652.625
22	Băng Lãng	2,54	26,0	25,0	0,165	Khô, nứt	65%	7.500.000	804.375
23	Băng Lãng	2,53	31,0	30,0	0,235	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.145.625
24	Cắm xe	2,55	25,0	25,0	0,159	Khô, nứt	65%	9.000.000	930.150
25	Băng Lãng	2,58	25,0	26,0	0,167	Khô, nứt	65%	7.000.000	759.850
26	Băng Lãng	2,20	26,0	26,0	0,148	Khô, nứt	65%	7.500.000	721.500
27	Băng Lãng	2,25	26,0	25,0	0,146	Khô, nứt	65%	7.500.000	711.750
28	Băng Lãng	2,23	26,0	25,0	0,144	Khô, nứt	65%	7.500.000	702.000
29	Băng Lãng	2,52	32,0	32,0	0,258	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.257.750
30	Băng Lãng	2,55	25,0	25,0	0,159	Khô, nứt	65%	7.000.000	723.450
31	Băng Lãng	2,23	25,0	25,0	0,139	Khô, nứt	65%	7.000.000	632.450
32	Băng Lãng	2,21	30,0	30,0	0,198	Khô, nứt	65%	7.500.000	965.250
33	Băng Lãng	2,23	26,0	25,0	0,144	Khô, nứt	65%	7.500.000	702.000
34	Băng Lãng	2,23	25,0	25,0	0,139	Khô, nứt	65%	7.000.000	632.450
35	Băng Lãng	2,23	31,0	31,0	0,214	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.043.250
36	Băng Lãng	3,50	50,0	40,0	0,700	Khô, nứt	65%	8.500.000	3.867.500

37	Băng Lãng	2,20	25,0	25,0	0,137	Khô, nứt	65%	7.000.000	623.350
38	Cắm xe	4,15	46,0	44,0	0,839	Khô, nứt	65%	11.000.000	5.998.850
39	Băng Lãng	5,20	39,0	36,0	0,730	Khô, nứt	65%	8.000.000	3.796.000
40	Băng Lãng	3,20	46,0	44,0	0,647	Khô, nứt	65%	8.500.000	3.574.675
41	Băng Lãng	3,32	36,0	35,0	0,418	Khô, nứt	65%	7.500.000	2.037.750
42	Cắm xe	4,08	38,0	36,0	0,558	Khô, nứt	65%	10.000.000	3.627.000
43	Băng Lãng	4,12	40,0	39,0	0,642	Khô, nứt	65%	8.000.000	3.338.400
Tổng cộng					11,037				58.508.775
Bằng chữ: Năm mươi tám triệu năm trăm lẻ tám ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng <i>i</i> .									

4. Kết luận: Giá trị tài sản nêu tại Mục 3 được dùng làm giá khởi điểm để tiếp tục xử lý tài sản theo quy định.

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 02 tờ, được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN TÀI CHÍNH**
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

[Signature]

Nguyễn Thanh Bình - P. TP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)



Trần Quốc Hùng - CCT

THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG

- Nguyễn Văn Sơn - Đội trưởng Đội KLCD và PCCCR..... *[Signature]*

- Trần Thị Chinh - Phó Đội trưởng Đội KLCD và PCCCR..... *[Signature]*

- Cao Đức Hùng - KLV Đội KLCD và PCCCR..... *[Signature]*

- Trần Ngọc Toán - KLV Phòng Hành chính-Pháp chế..... *[Signature]*

- Phạm Văn Hạ - P. Hạt trưởng Hạt KL huyện Bù Đốp..... *[Signature]*